

	<p><b>*Bài 2:</b></p> <p><b>*Bài 3:</b></p> <p>- Giải được bài toán có lời văn với các phân số.</p>	<p>- GV yêu cầu HS nêu cách thuận tiện nhất.</p> <p>- Kết luận. Rút gọn 3 với 3 Rút gọn 4 với 4 Ta có <math>\frac{2 \times 3 \times 4}{3 \times 4 \times 5} = \frac{2}{5}</math></p> <p>- GV yêu cầu HS làm tiếp các phần còn lại của bài.</p> <p>- Đọc đề bài, phân tích đề và nêu cách giải.</p> <p>- GV nhận xét một số bài.</p> <p>- GV tổng kết giờ học.</p> <p>- Về nhà ôn bài và chuẩn bị bài sau.</p>	<p>- Cả lớp phát biểu chọn cách thuận tiện nhất.</p> <p>- 2 HS lên bảng làm, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p>- 3 HS nêu.</p> <p>- 1 HS làm bài vào bảng nhóm và trình bày trước lớp, cả lớp làm vào vở, đôi chéo vở kiểm tra bài làm của nhau.</p> <p>- Cả lớp nhận xét bài làm trên bảng.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Đã may áo hết số mét vải là:</p> $20 \times \frac{4}{5} = 16(m)$ <p>Còn lại số mét vải là:</p> $20 - 16 = 4 (m)$ <p>Số túi may được là:</p> $4 : \frac{2}{3} = 6 \text{ (cái túi)}$ <p>Đáp số: 6 cái túi</p> <p>- HS nghe.</p>
2'	<p><b><u>C. Củng cố -</u></b> <b><u>Dẫn dò:</u></b></p>		

**TẬP ĐỌC**  
**CON CHIM CHIÊN CHIÊN**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Hiểu ý nghĩa: Hình ảnh con chim chiên chiên tự do bay liệng trong cảnh thiên nhiên thanh bình cho thấy sự ấm no, hạnh phúc và tràn đầy tình yêu trong cuộc sống. (trả lời được các câu hỏi trong SGK ; thuộc hai, ba khổ thơ).

**2. Kỹ năng:**

- Bước đầu biết đọc diễn cảm hai, ba khổ thơ trong bài với giọng vui, hồn nhiên.

**3. Thái độ:**

- HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Tranh minh họa trong SGK.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

<b>Tg</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Hoạt động dạy của giáo viên</b>	<b>Hoạt động học của học sinh</b>
4'	<b>A. Kiểm tra:</b>	- Đọc truyện <i>Vương quốc vắng nụ cười</i> và trả lời câu hỏi về nội dung bài. - Gọi HS nhận xét bạn đọc bài và trả lời câu hỏi. - Nhận xét và cho điểm từng HS .	- HS thực hiện yêu cầu .
32'	<b>B. Bài mới:</b> <b>1, Giới thiệu bài:</b> <b>2, Hướng dẫn luyện đọc.</b>	- GV giới thiệu bài. - Đọc tiếp nối từng khổ thơ trong bài. Mỗi HS chỉ đọc 1 khổ thơ. GV chú ý sửa lỗi phát âm, ngắt giọng cho từng HS . - Đọc phần chú giải để tìm hiểu nghĩa của các từ khó. - Luyện đọc theo cặp. - Gọi HS đọc toàn bài - GV đọc mẫu. Chú ý cách đọc.	- HS nghe. - 6 HS tiếp nối đọc thành tiếng . - 1 HS đọc thành tiếng trước lớp, HS cả lớp đọc thầm . - 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc tiếp nối từng khổ thơ. - 2 HS đọc toàn bài. - Theo dõi GV đọc mẫu.

<p><b>3. Tìm hiểu bài:</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đọc thầm bài thơ, trao đổi, trả lời những câu hỏi trong SGK.</li> <li>+ Con chim chiền chiện bay lượn giữa khung cảnh thiên nhiên như thế nào?</li> <li>+ Những từ ngữ và chi tiết nào vẽ nên hình ảnh con chim chiền chiện tự do bay lượn giữa không gian cao rộng ?</li> <li>+ Hãy tìm những câu thơ nói về tiếng hót của con chim chiền chiện ?</li> <li>+ Tiếng hót của con chim chiền chiện gợi cho em những cảm giác như thế nào?</li> <li>+ Qua bức tranh bằng thơ của Huy Cận, em hình dung được điều gì ?</li> <li>- GV kết luận và ghi ý chính của bài .</li> <li>- Tiếp nối nhau đọc từng khổ thơ. HS cả lớp theo dõi, tìm giọng đọc hay.</li> <li>- Cho HS đọc diễn cảm 3 khổ thơ đầu hoặc 3 khổ thơ cuối.</li> <li>+ Đọc mẫu.</li> <li>+ Yêu cầu HS luyện đọc theo cặp.</li> <li>+ Tổ chức cho HS thi đọc diễn</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS ngồi cùng bàn trao đổi, thảo luận, trả lời câu hỏi.</li> <li>- Tiếp nối nhau trả lời câu hỏi.</li> <li>+ Con chim chiền chiện bay lượn trên cánh đồng lúa, giữa một không gian rất cao, rất</li> <li>+ Những từ ngữ và hình ảnh: bay vút, vút cao, cao hoài, cao vợi, chim bay, chia sà, lúa tròn bụng sữa, cánh đập trời xanh, chim biến mất rồi, chỉ còn tiếng hót, làm xanh da trời, lòng chim vui nhiều, hót không biết mỏi.</li> <li>+ Những câu thơ: ...</li> <li>+ Tiếng hót của con chim chiền chiện gợi cho em thấy một cuộc sống yên bình, hạnh phúc .</li> <li>+ Qua bức tranh bằng thơ, em thấy một chú chim chiền chiện rất đáng yêu ... là cuộc sống ấm no, hạnh phúc của con người.</li> <li>- 6 HS tiếp nối nhau đọc thành tiếng. HS cả lớp tìm giọng đọc hay (như ở phần luyện đọc).</li> <li>+ Theo dõi GV đọc .</li> <li>+ 2 HS ngồi cùng bàn luyện đọc diễn cảm.</li> <li>+ 3 đến 5 HS thi đọc.</li> </ul>
<p><b>4, Đọc diễn cảm và học thuộc lòng bài thơ:</b></p>		

<b>2'</b>	<b>C. <u>Củng cố - Đẫn dò:</u></b>	<p>cảm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Yêu cầu HS nhắm đọc thuộc lòng theo cặp.</li> <li>- Tổ chức cho HS đọc thuộc lòng tiếp nối từng khổ thơ.</li> <li>- Tổ chức cho HS thi đọc toàn bài thơ .</li> <li>- Dẫn HS về nhà học thuộc lòng bài thơ và chuẩn bị bài sau <i>Tiếng cười là liều thuốc bổ</i>.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 2 HS ngồi cùng bàn nhắm đọc thuộc lòng.</li> <li>- 2 lượt HS đọc tiếp nối từng khổ thơ.</li> <li>- 3 HS thi đọc toàn bài .</li> <li>- HS nghe.</li> </ul>
-----------	--	---	--

**TẬP LÀM VĂN**  
**MIÊU TẢ CON VẬT( Kiểm tra viết)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Biết vận dụng những kiến thức, kĩ năng đã học để viết được bài văn miêu tả con vật đủ 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài); diễn đạt thành câu, lời văn tự nhiên, chân thực.

**2. Kỹ năng:**

- HS viết được bài văn vào vở.

**3. Thái độ:**

- HS biết yêu quý và chăm sóc con vật có ích.

**II. ĐỒ DÙNG:**

- Bảng lớp viết sẵn các đề bài cho HS lựa chọn.

- Dàn ý bài văn miêu tả con vật viết sẵn trên bảng phụ.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

<b>Tg</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Hoạt động dạy của học sinh</b>	<b>Hoạt động học của học sinh</b>
<b>2'</b>	<b>A. <u>Kiểm tra:</u></b>	- Kiểm tra giấy bút của HS.	- HS thực hiện yêu cầu.
<b>32'</b>	<b>B. <u>Bài mới:</u> <b>1, Giới thiệu bài:</b> <b>2, Thực hành viết:</b></b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- GV giới thiệu bài.</li> <li>- GV có thể sử dụng 3 đề gợi ý trang 149, SGK để làm bài kiểm tra hoặc tự mình ra đề cho HS.</li> <li>- Lưu ý ra đề:</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- HS nghe.</li> <li>- HS chọn một trong ba đề văn để viết vào vở.</li> </ul>

2'	<b><u>C. Củng cố - Dẫn dò:</u></b>	<p>+ Ra đề mở để HS lựa chọn khi viết bài .</p> <p>+ Nội dung đề phải là miêu tả con vật mà HS đã từng nhìn thấy.</p> <p>Ví dụ:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Viết một bài văn tả con vật mà em yêu thích. Trong đó sử dụng lối mở bài gián tiếp .</li><li>2. Viết một bài văn tả con vật nuôi trong nhà . Trong đó sử dụng cách kết bài mở rộng .</li><li>3. Viết một bài văn tả con vật nuôi ở vườn thú mà em có dịp quan sát. Trong đó sử dụng lối mở bài gián tiếp .</li><li>4. Viết một bài văn tả con vật lần đầu tiên em nhìn thấy trong đó sử dụng cách kết bài mở rộng .</li></ol> <p>- Cho HS viết bài .</p> <p>- Thu, chấm một số bài .</p> <p>- Nêu nhận xét chung .</p> <p>- Về ôn lại toàn bộ các thể loại văn đã học.</p>	<p>- HS viết bài.</p> <p>- HS nghe.</p>
----	--	---	---

**TOÁN**

**ÔN TẬP CÁC PHÉP TÍNH VỚI PHÂN SỐ ( tiếp theo)**

**I. MỤC TIÊU:**

**1. Kiến thức:**

- Thực hiện được bốn phép tính với phân số.
- Vận dụng được để tính giá trị của biểu thức và giải toán.

**2. Kỹ năng:**

- HS làm được các bài tập: bài 1, bài 3 ( a ), bài 4 ( a ) trang 170.

**3. Thái độ:**

- HS yêu thích môn học.

**II. ĐỒ DÙNG:**

Bảng nhóm, bảng con.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**

Tg	Nội dung	Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
3'	<b>A. Kiểm tra:</b>	- Nêu quy tắc cộng, trừ, nhân, chia phân số. - GV nhận xét.	- 1 số HS nêu.
32'	<b>B. Bài mới:</b> <i>1, Giới thiệu bài:</i> <i>2, Hướng dẫn làm bài tập:</i> <b>* Bài 1:</b> - Thực hiện được bốn phép tính với phân số.	- GV giới thiệu bài.  - Yêu cầu HS viết tổng, hiệu, tích, thương của 2 phân số $\frac{4}{5}$ và $\frac{2}{7}$ rồi tính.	- HS nghe.  - HS làm vào bảng con. - 2 HS lên bảng làm bài. $\frac{4}{5} + \frac{2}{7} = \frac{28}{35} + \frac{10}{35} = \frac{28+10}{35} = \frac{38}{35}$ $\frac{4}{5} - \frac{2}{7} = \frac{28}{35} - \frac{10}{35} = \frac{28-10}{35} = \frac{18}{35}$ $\frac{4}{5} \times \frac{2}{7} = \frac{4 \times 2}{5 \times 7} = \frac{8}{35};$ $\frac{4}{5} : \frac{2}{7} = \frac{4}{5} \times \frac{7}{2} = \frac{4 \times 7}{5 \times 2} = \frac{28}{10}$

	<p><b>*Bài 3:</b> - Vận dụng được để tính giá trị của biểu thức</p> <p><b>*Bài 4:</b> - Giải toán.</p>	<p>- Yêu cầu HS nêu thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức.</p> <p>- Cả lớp cùng GV chữa bài.</p> <p>- Đọc đề bài toán. - Phân tích đề và nêu cách làm.</p>	<p>- 2 HS nêu.</p> <p>- HS cả lớp làm bài vào vở, đổi chéo vở kiểm tra bài của nhau. - 2 HS lên bảng làm bài.</p> $\frac{2}{3} + \frac{5}{2} - \frac{3}{4} = \frac{8}{12} + \frac{30}{12} - \frac{2}{12} = \frac{38}{12} - \frac{2}{12} = \frac{36}{12} = 3$ $\frac{2}{5} \times \frac{1}{2} : \frac{1}{3} = \frac{2}{10} \times 3 = \frac{6}{10} = \frac{3}{5}$ $\frac{2}{9} : \frac{2}{9} \times \frac{2}{9} \times \frac{9}{2} \times \frac{1}{2} = 1 \times \frac{1}{2} = \frac{1}{2}$ <p>- 2 HS đọc. - 2 HS nêu. - 1 HS làm bài vào bảng nhóm và trình bày trên bảng, cả lớp làm bài vào vở.</p> <p style="text-align: center;"><u>Bài giải</u></p> <p>Sau 2 giờ vòi nước chảy được số phần bể nước là :</p> $\frac{2}{5} + \frac{2}{5} = \frac{4}{5} \text{ (bể)}$ <p>Số lượng nước còn lại chiếm số phần bể là:</p> $\frac{4}{5} - \frac{1}{2} = \frac{3}{10} \text{ (bể)}$ <p>Đáp số: <math>\frac{3}{10}</math> bể</p> <p>- HS nghe.</p>
2'	<p><b>C. <u>Củng cố- Dẫn dò:</u></b></p>	<p>- GV tổng kết giờ học. - Về nhà ôn bài và chuẩn bị bài sau.</p>	